

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG ĐẾN HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

*Phạm Hoàng Giang**

1. Hình thức hợp đồng và nguyên tắc tự do hợp đồng

Hình thức của hợp đồng được hiểu là phương thức ký kết, phương tiện ghi nhận nội dung thoả thuận của các bên. Nó có thể là thủ tục ký kết hợp đồng hoặc hình thức thể hiện thoả thuận của các bên, bằng lời nói, hành vi hoặc bằng văn bản... Theo nguyên tắc tự nguyện thoả thuận, các bên có quyền xác lập hợp đồng dưới bất cứ hình thức nào, theo cách mà họ muốn, chỉ cần đạt được sự thoả thuận, thống nhất ý chí của các bên là hợp đồng coi như đã hình thành. Nhìn chung, pháp luật về hợp đồng các nước trên thế giới đều công nhận nguyên tắc này. Theo đó, các bên có quyền tự do lựa chọn hình thức hợp đồng dưới dạng: bằng lời nói, cử chỉ, hành vi, hay bằng văn bản... Trong quá trình ký kết hợp đồng, nhất là trong hoạt động thương mại đối với các hợp đồng phức tạp đòi hỏi sự đàm phán kỹ lưỡng và kéo dài, nếu hai bên khẳng định rằng hợp đồng sẽ chưa được giao kết cho đến khi chưa có được thoả thuận về hình thức cụ thể của hợp đồng, thì hợp đồng sẽ chưa được giao kết cho đến khi các bên chưa đạt được thoả thuận về hình thức hợp đồng¹, hoặc trong trường hợp các bên thoả thuận và quy định trong hợp đồng rằng: bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nào, hay việc chấm dứt hợp đồng phải thực hiện bằng văn bản thì không thể thay đổi, bổ sung hay chấm dứt hợp đồng bằng hình thức khác². Các hành vi phổ biến loại này gồm: các tuyên bố ý chí mà các bên đưa ra trong quá trình giao kết hay thực hiện hợp đồng (ví dụ: đề nghị giao kết hợp đồng, chấp nhận đề nghị, xác

nhận giá bởi một bên, xác nhận việc thực hiện hợp đồng...) hoặc trong các trường hợp khác (ví dụ: khi người đại diện trao quyền cho người đại diện, khi ghi nhận hành vi được thực hiện bởi người đại diện ký kết không có thẩm quyền...).

Điều 10 Luật Hợp đồng Trung Quốc quy định: “một hợp đồng có thể được thiết lập bằng văn bản, bằng trao đổi miệng cũng như bằng bất kỳ hình thức nào”. Khoản 2 Điều 2:101 Các nguyên tắc Luật hợp đồng châu Âu quy định: “Một hợp đồng không nhất thiết phải được giao kết hay xác nhận bằng văn bản hay bất cứ đòi hỏi nào khác về hình thức. Hợp đồng có thể được chứng minh bằng bất kỳ phương thức nào, kể cả nhân chứng”. Điều 11 Công ước của Liên Hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế quy định: “Không yêu cầu hợp đồng mua – bán hàng hoá phải được ký kết hoặc phải được xác nhận bằng văn bản hoặc phải tuân thủ một yêu cầu nào đó về mặt hình thức. Có thể dùng bất kỳ phương tiện nào kể cả lời khai nhân chứng để chứng minh sự tồn tại của hợp đồng đó”; Điều 1.2 Bộ Các nguyên tắc của Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế năm 2004 quy định: “Không bắt buộc hợp đồng, tuyên bố hay bất kỳ một hành vi nào khác phải được giao kết hay chứng minh bằng một hình thức đặc biệt. Chúng có thể được chứng minh bằng bất kỳ cách thức nào, kể cả bằng nhân chứng”.

Nguyên tắc này rất phù hợp với yêu cầu nhanh chóng, thuận tiện của các hoạt động thương mại. Nhờ vào các phương tiện truyền thông hiện đại, nhiều giao dịch được giao kết nhanh chóng, bằng các cuộc điện thoại, bằng fax, bằng giao dịch điện tử, internet, bằng văn bản giấy tờ... Tuy nhiên, ở một số nước, pháp luật quy định các

* Thạc sỹ Luật học, Bộ Nội vụ.

^{1,2} Xem Điều 2.13; Điều 2.18 Bộ Các nguyên tắc về hợp đồng thương mại quốc tế của Viện Thống nhất luật tư (Unidroit), Nxb. Tư pháp 2005, Hà Nội.

trường hợp ngoại lệ đối với một số hợp đồng nhất định.

** Các trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc tự do hình thức hợp đồng*

Xuất phát từ mục đích bảo vệ trật tự công cộng, bảo vệ lợi ích của người thứ ba, hoặc nhằm bảo đảm giá trị chứng cứ khi phát sinh tranh chấp, pháp luật hợp đồng quy định một số ngoại lệ đối với nguyên tắc tự do hợp đồng, đó là: một số loại hợp đồng yêu cầu phải được lập thành văn bản hoặc giao kết theo một thủ tục chặt chẽ.

Theo cách hiểu chung nhất, pháp luật hợp đồng các nước đều thừa nhận "hình thức văn bản" bao gồm các dạng như: văn bản hợp đồng, thư, thông điệp điện tử (bao gồm điện báo, telex, fax, trao đổi dữ liệu điện tử và thư điện tử...), có khả năng biểu hiện nội dung dưới một hình thức hữu hình³. Việc quy định giao kết hợp đồng bằng văn bản nhằm tạo bằng chứng về hợp đồng được giao kết, tạo ra các chuẩn mực và bảo đảm thận trọng khi giao kết hợp đồng, đồng thời cũng nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên tránh hiện tượng gian dối, lừa đảo, bội ước trong quá trình thực hiện hợp đồng... Những loại hợp đồng buộc phải giao kết bằng hình thức văn bản, thường là các hợp đồng có giá trị lớn, hợp đồng dài hạn, hợp đồng ký kết trong một số hoạt động thương mại đặc thù như: kinh doanh bất động sản, tín dụng ngân hàng, thành lập công ty, hàng hải, hàng không, bảo hiểm, đầu tư⁴.

³ Xem Điều 13 Công ước của Liên Hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, Điều 11 Luật Hợp đồng Trung Quốc, Điều 1-201 (39) Bộ luật Thương mại Mầu Hoa Kỳ ...

⁴ Điều 1642 Bộ luật Dân sự Bang California của Hoa Kỳ quy định các hợp đồng có thời hạn thực hiện vượt quá một năm kể từ ngày ký, các hợp đồng liên quan đến bất động sản (thuê, mua, bán, môi giới,...), hợp đồng liên quan đến tài sản cá nhân có giá trị trên 5.000 Đô-la... phải lập thành văn bản. Điều 11 Luật Hợp đồng Trung quốc cũng quy định: "Một hợp đồng phải được thiết lập bằng văn bản nếu pháp luật hoặc quy định hành chính liên quan yêu cầu" (cụ thể: Điều 197 quy định hợp đồng vay tiền, Điều 215 quy định hợp đồng thuê có thời hạn từ 6 tháng trở lên, Điều 270 quy định hợp đồng đối với các công trình xây dựng

Ngoài ra, điều kiện hình thức hợp đồng mà pháp luật hợp đồng đề cập còn được hiểu phải được giao kết theo một thủ tục chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Các thủ tục này thường bao gồm thủ tục: đăng ký hợp đồng, phê chuẩn hợp đồng bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc phải được công chứng, chứng thực. Điều kiện này thường được áp dụng đối với các loại hợp đồng như: hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng thuê bất động sản, tàu biển, thành lập công ty...

Việc quy định thủ tục giao kết hợp đồng có ý nghĩa đặc biệt trong việc thực hiện quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực thương mại nhất định hoặc nhằm bảo đảm tính công khai của hợp đồng đối với người thứ ba.

2. Ảnh hưởng điều kiện về hình thức hợp đồng đối với hiệu lực của hợp đồng

Về nguyên tắc, hiệu lực hợp đồng không phụ thuộc vào điều kiện về hình thức hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực khi các bên đạt được thoả thuận về nội dung hợp đồng (theo lý thuyết ưng thuận). Nguyên tắc này được hầu hết các hệ thống pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, đối với một số hợp đồng nhất định, pháp luật một số nước quy định điều kiện hình thức hợp đồng được coi là yêu cầu bắt buộc về hiệu lực hợp đồng(i). Ở một số nước khác điều này chỉ nhằm mục đích về bằng chứng giao kết hợp đồng (ii).

i) Hình thức hợp đồng là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng:

Đây là các trường hợp liên quan đến hợp đồng mà việc đạt được thoả thuận chưa đủ để bảo đảm cho hợp đồng có hiệu lực. Trường hợp này, pháp luật đòi hỏi thoả thuận của các bên đạt được có hiệu lực phải có điều kiện:

(1) Phải thể hiện dưới một hình thức (thường là bằng văn bản);

(2) Hợp đồng phải tuân theo những thủ tục nhất định mới có hiệu lực.

phải lập thành văn bản...). Điều 1320 Luật Hợp đồng Indônêsi quy định hợp đồng tặng cho bất động sản, hợp đồng thành lập công ty TNHH phải được lập thành văn bản và có chứng thực.

Các loại hợp đồng phải tuân thủ điều kiện này thường được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật hợp đồng của các nước. Có những loại hợp đồng chỉ cần tuân theo điều kiện bằng văn bản, nhưng có những loại hợp đồng phải tuân theo cả hai điều kiện trên, ví dụ: theo pháp luật của Pháp, hợp đồng phải lập thành văn bản mới có hiệu lực pháp luật như hợp đồng chuyển nhượng cơ sở kinh doanh (Điều 12 Luật ngày 29/6/1935). Tuy nhiên, theo quy định của Bộ luật Dân sự của Pháp, một số hợp đồng phải được lập thành văn bản và phải được chứng thực hoặc công chứng thì mới có hiệu lực gồm: hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng hôn nhân, hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng thế chấp có sự chấp thuận của người có nghĩa vụ.

Ngoài ra, đối với loại hợp đồng thực tế đòi hỏi bên cạnh việc các bên đạt được thỏa thuận hợp đồng, còn phải có hành vi giao vật thì hợp đồng mới có hiệu lực (ví dụ: hợp đồng vay tài sản, hợp đồng gửi giữ, hợp đồng cầm cố tài sản...). Nhìn chung, pháp luật các nước ít quy định điều kiện về thủ tục là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Trường hợp này thường được áp dụng đối với hợp đồng trong lĩnh vực dân sự, ít áp dụng đối với các hợp đồng trong hoạt động thương mại, trừ một số tài sản đặc thù cần có sự quản lý của Nhà nước như: đất đai, tàu biển, tàu bay.

ii) Điều kiện hình thức hợp đồng không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng:

Trong trường hợp này, pháp luật thường đề cập đến điều kiện phải được lập thành văn bản, nhưng nếu hợp đồng không tuân theo điều kiện về hình thức thì cũng không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng. Điều kiện hình thức văn bản hợp đồng trong trường hợp này chủ yếu có ý nghĩa nhằm bảo đảm chứng cứ về việc hợp đồng đã được giao kết, tạo thói quen thận trọng cho việc giao kết hợp đồng. Về các trường hợp hợp đồng phải được lập thành văn bản, pháp luật các nước có nhiều quy định khác nhau. Ví dụ: Theo quy định của Điều 1341 Bộ luật

Dân sự năm 1804 của Pháp, hợp đồng có giá trị trên 5000 Frãng thì phải được lập thành văn bản. Pháp luật các Bang của Hoa Kỳ (trừ Bang Marylan, New Mexico và Louisiane) các hợp đồng sau bắt buộc phải lập thành văn bản: hợp đồng có thời hạn thực hiện trên một năm, hợp đồng về bất động sản, hợp đồng xác lập biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Ngoài ra, theo Bộ luật Thương mại Mẫu của Hoa Kỳ, các hợp đồng sau phải lập thành văn bản gồm: hợp đồng mua bán hàng hoá có giá trị 500 USD trở lên, hợp đồng mua bán chứng khoán, hợp đồng liên quan đến tài sản cá nhân có trị giá lớn trên 5.000USD.

Ở Pháp, hậu quả của việc nếu không được lập thành văn bản trong trường hợp này không ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng. Tuy nhiên, trên thực tế nếu không có chứng cứ chứng minh cho việc giao kết hợp đồng thì hợp đồng đó có thể không có hiệu lực trên thực tế (không được Toà án công nhận). Ở Mỹ, nếu vi phạm hình thức hợp đồng thì bên bị vi phạm không nhờ Toà án can thiệp buộc bên kia phải thực hiện nghĩa vụ được. Trong trường hợp hai bên tự nguyện thi hành (mặc dù vi phạm về hình thức), thì Toà án cũng không tự ý mình mà can thiệp vào quan hệ tư, trường hợp này, tuy có vi phạm về hình thức, hợp đồng vẫn tồn tại và được thừa nhận trên thực tế. Như vậy, hợp đồng vi phạm về hình thức thì không dẫn đến vô hiệu. Điều kiện về hình thức hợp đồng theo pháp luật hợp đồng của Mỹ có ý nghĩa quan trọng về mặt pháp lý là bên có quyền chỉ có thể yêu cầu Toà án giúp mình buộc bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng thực thi các nghĩa vụ cam kết, nếu các quy định về hình thức hợp đồng được tuân thủ. Tuy nhiên, bên có nghĩa vụ không thể viện dẫn căn cứ này nếu trước đó đã bắt đầu thực hiện hợp đồng hoặc nếu bên kia đã có những chi phí nhất định để chuẩn bị cho việc thực hiện hợp đồng.

Qua nghiên cứu quy định pháp luật của một số nước về hình thức hợp đồng cho thấy, pháp luật hợp đồng công nhận nguyên

tác tự do hình thức hợp đồng. Tuy nhiên, đối với một số loại hợp đồng pháp luật quy định phải tuân thủ theo những điều kiện về hình thức nhất định. Việc quy định điều kiện hình thức hợp đồng bằng văn bản trên cơ sở tôn trọng tối đa quyền tự do, tự nguyện thoả thuận của các bên. Do vậy, pháp luật không quy định điều kiện này là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, mà chủ yếu có ý nghĩa về mặt chứng cứ khi giải quyết tranh chấp. Quy định này vừa bảo đảm nguyên tắc tự do hợp đồng, đồng thời vẫn thể hiện sự can thiệp của pháp luật vào hình thức hợp đồng ở mức nhất định nhằm đạt được những mục đích mà các nhà làm luật đề ra.

3. Liên hệ với pháp luật hợp đồng của Việt Nam

Cũng như pháp luật hợp đồng các nước, Bộ luật Dân sự năm 2005 của nước ta thừa nhận nguyên tắc tự do hình thức hợp đồng. Tuy nhiên, khoản 2 Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2005 lại quy định các trường hợp ngoại lệ theo quy định của pháp luật hợp đồng phải được giao kết theo một hình thức nhất định; việc vi phạm hình thức không làm vô hiệu hợp đồng, trừ các trường hợp pháp luật quy định khác⁵. Chúng tôi cho rằng quy định này còn hạn chế vì nó chưa rõ ràng và nhất quán trong việc thừa nhận nguyên tắc tự do hình thức hợp đồng. Trong quá trình áp dụng cần làm rõ ở một số nội dung sau:

⁵ Điều 401 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Hợp đồng dân sự có thể giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể, khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định.

2. Trong trường hợp pháp luật có quy định hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó.

Hợp đồng không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

Điều 405 quy định:

“Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Một là, trường hợp pháp luật có quy định hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo các quy định đó là các trường hợp nào? Chúng ta có thể hiểu rằng, đó là các trường hợp mà Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định đối với các loại hợp đồng thông dụng (ở phần các hợp đồng dân sự thông dụng) và các trường hợp theo quy định của luật chuyên ngành (ví dụ: các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại theo quy định của Luật Thương mại năm 2005, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bảo hiểm...). Quy định này có một số hạn chế sau: *thứ nhất*, việc quy định không cụ thể về các loại hợp đồng phải được giao kết theo một hình thức nhất định ngay trong Bộ luật Dân sự năm 2005 sẽ dẫn đến việc các văn bản pháp luật chuyên ngành quy định các trường hợp hợp đồng phải được giao kết theo một hình thức nhất định một cách tùy tiện (nhất là yêu cầu hình thức văn bản), làm ảnh hưởng đến quyền tự do hợp đồng của các chủ thể. Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản pháp luật chuyên ngành khi quy định về những loại hợp đồng cụ thể trong hoạt động thương mại đã quy định quá rộng các trường hợp hợp đồng phải giao kết dưới hình thức bằng văn bản. Trong đó, có nhiều trường hợp không cần thiết hợp đồng phải được giao kết bằng văn bản như: hợp đồng dịch vụ khuyến mại; hợp đồng dịch vụ quảng cáo; hợp đồng dịch vụ trung bày giới thiệu hàng hoá, dịch vụ; hợp đồng dịch vụ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại; hợp đồng đại lý; hợp đồng gia công...⁶. Ví dụ: hai doanh nghiệp đã từng là

⁶ Theo Luật Thương mại năm 2005, các hợp đồng sau phải lập thành văn bản: hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (Điều 27), hợp đồng dịch vụ khuyến mại (Điều 90), hợp đồng dịch vụ quảng cáo (Điều 110), hợp đồng dịch vụ trung bày giới thiệu hàng hoá, dịch vụ (Điều 124), hợp đồng dịch vụ tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại (Khoản 2 Điều 130), hợp đồng đại diện cho thương nhân (Điều 145), hợp đồng đại lý (Điều 168), hợp đồng gia công (Điều 179), hợp đồng tổ chức dịch vụ đấu giá (Điều 193), hợp đồng

bạn hàng quen biết lâu năm của nhau, từng ký với nhau rất nhiều các hợp đồng gia công quần áo may mặc. Trường hợp này họ chỉ cần một cuộc điện thoại là có thể ký kết một hợp đồng gia công theo thói quen thương mại mà họ đã thiết lập với nhau. *Thứ hai*, Khoản 2 Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng chưa quy định rõ điều kiện hình thức hợp đồng có ảnh hưởng gì đến giá trị pháp lý của hợp đồng, trong trường hợp điều kiện về hình thức hợp đồng không phải là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nhưng các bên lại vi phạm điều kiện về hình thức hợp đồng? Vấn đề chưa rõ ràng là nếu không tuân thủ các điều kiện này thì hợp đồng vô hiệu hoàn toàn hay chỉ có giá trị đối kháng với người thứ ba? Hợp đồng khi đó vô hiệu tuyệt đối hay vô hiệu tương đối? Để áp dụng quy định này thống nhất, thì việc Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn Khoản 2 Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2005 theo nội dung trên là hết sức cần thiết.

Hai là, Khoản 2 Điều 401 quy định “Hợp đồng không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Chúng tôi cho rằng cần bỏ quy định “trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”, bởi vì: việc quy định hình thức hợp đồng là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng trái với nguyên tắc tự do, tự nguyện thoả thuận. Theo nguyên tắc tự do hợp đồng, hợp đồng là sự thống nhất ý chí của các bên. Hình thức hợp đồng là phương tiện thể hiện ý chí của các bên ra bên ngoài. Do đó, về nguyên tắc, mọi phương tiện có khả năng thể hiện ý chí đích thực của các bên đều có thể xem xét là hình thức hợp đồng. Nguyên tắc này đòi hỏi pháp luật không nên căn cứ vào việc vi phạm

điều kiện hình thức hợp đồng mà tuyên bố hợp đồng vô hiệu trong khi các bên có sự thống nhất ý chí đích thực về việc xác lập quyền và nghĩa vụ hợp đồng. Trường hợp này, pháp luật cần bảo vệ sự thoả thuận của các bên chứ không phải trừng phạt họ bằng chế tài tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Ở các nước (như đã đề cập ở điểm 1 và 2), pháp luật cũng không quy định hình thức hợp đồng là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, ngay cả trong trường hợp pháp luật có quy định. Trừ những trường hợp đặc biệt, hình thức hợp đồng chỉ có ý nghĩa trong việc bảo đảm bằng chứng về giao kết hợp đồng, giá trị chứng cứ để bảo vệ quyền lợi của các bên, chống lại các hành vi bội ước, lừa dối ... trong giao kết hợp đồng.

Ngoài ra, Điều 134 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Trong trường hợp pháp luật quy định hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân theo thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch vô hiệu”. Quy định này không khả thi trên thực tế, bởi vì: khi đã xảy ra tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì các bên thường không còn thiện chí để thực hiện việc sửa chữa các sai sót về hình thức trong giao kết hợp đồng, nhất là khi một bên muốn tuyên bố hợp đồng vô hiệu để có lợi hơn. Quy định này còn có thể tạo thêm nhiều phức tạp trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng và không bảo vệ được lợi ích của các bên theo thoả thuận hợp đồng. Trường hợp này, lợi ích của các bên từ việc ký kết hợp đồng không đạt được do pháp luật không thừa nhận thoả thuận của các bên.

Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu cần tiếp tục phải hoàn thiện các quy định pháp luật của Việt Nam về hình thức hợp đồng, để bảo đảm ngày càng phù hợp hơn với thông lệ quốc tế và bảo đảm tôn trọng tối đa quyền tự do thoả thuận hợp đồng.

dịch vụ quá cảnh (Điều 251), hợp đồng nhượng quyền thương mại (Điều 285).

Ngoài ra, các luật chuyên ngành còn quy định các hợp đồng phải bằng văn bản gồm: hợp đồng tín dụng (Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng), hợp đồng bảo hiểm (Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều 570 Bộ luật Dân sự năm 2005), hợp đồng mua bán điện có thời hạn (Điều 22 Luật Điện lực năm 2004)...